

KẾ HOẠCH**Thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

(Kèm theo Quyết định số 94/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2025
của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

a) Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch đã đề ra.

b) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch, phù hợp với các nội dung theo Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt. Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

b) Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với các quy định của pháp luật và điều kiện thực tế, khả năng huy động nguồn lực tại địa phương. Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp, nâng cao hiệu quả trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

c) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư xã hội, tạo đột phá thu hút vốn đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại. Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực để tạo ra sự phát triển

đột phá, thúc đẩy quá trình đổi mới các mô hình phát triển ngành, lĩnh vực theo hướng tạo ra giá trị, hiệu quả cao.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Về dự án đầu tư công

a) Ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật có tính kết nối liên vùng, liên tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển các khu vực động lực, các cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế quan trọng, các ngành kinh tế có lợi thế đã được xác định tại Quy hoạch tỉnh; tập trung đầu tư các tuyến giao thông tạo ra không gian phát triển mới, các tuyến kết nối giao thông với các tỉnh trong vùng và các tỉnh lân cận, đặc biệt là thành phố Hà Nội; đầu tư mới, nâng cấp các tuyến đường tỉnh giai đoạn 2021- 2030; phát triển đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng điện lực, hạ tầng các ngành, lĩnh vực quan trọng.

b) Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dự án hạ tầng xã hội mang tính lan tỏa, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh trong đó chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng ngành du lịch, giáo dục, y tế, văn hóa; tập trung đầu tư trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị di sản (các di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh); các thiết chế văn hóa, thể thao; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất các cơ sở y tế công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; tăng cường cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt chuẩn; cơ sở bảo trợ xã hội công lập; cơ sở cai nghiện; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho lĩnh vực khoa học và công nghệ; các công trình, dự án cấp thoát nước; công trình thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt;...

c) Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: Theo Phụ lục kèm theo.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

a) Thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo định hướng phát triển của tỉnh, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng giao thông; hạ tầng logistics, cảng, bến thủy nội địa; hạ tầng kỹ thuật thông tin truyền thông; hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, thương mại, dịch vụ. Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn liên kết với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất.

b) Thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường. Phát triển và giữ vững vai trò là trung tâm công nghiệp của vùng trung du và miền núi phía Bắc; hình thành chuỗi liên kết khu vực động lực của vùng tại vành đai Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ. Ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao (chế biến, chế tạo, điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí lắp ráp hiện đại, máy nông nghiệp, thiết bị, dụng cụ y tế,...); phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; cơ cấu lại và nâng cao giá trị các sản phẩm công nghiệp truyền thống (hóa chất, giấy, phân bón, vật liệu xây dựng) theo hướng có chọn lọc để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

c) Phát triển dịch vụ - đô thị, dịch vụ tài chính - ngân hàng, bưu chính viễn thông có trọng tâm, trọng điểm; thu hút các dự án có quy mô lớn đầu tư vào Khu du lịch quốc gia Xuân Sơn, Khu du lịch quốc gia Đền Hùng và các khu du lịch cấp tỉnh tại các huyện Thanh Thủy, Hạ Hòa, Tam Nông, Tân Sơn,... Phát triển du lịch kết hợp với nghỉ dưỡng, hoạt động khoa học và công nghệ, các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe có giá trị cao;... tập trung phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm, du lịch kết hợp với hội thảo, hội nghị, sự kiện (MICE), nghỉ dưỡng, sinh thái.

d) Phát triển nông nghiệp theo hướng hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp trên cơ sở tập trung, tích tụ ruộng đất; thu hút doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp của địa phương theo chiều sâu, tạo giá trị gia tăng cao.

đ) Khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược có năng lực tài chính, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài, có tính liên kết và thu hút nhà đầu tư thứ cấp.

c) Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: Theo Phụ lục kèm theo.

3. Kế hoạch sử dụng đất

a) Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Phú Thọ 5 năm 2021- 2025:

Thực hiện theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định khác có liên quan.

b) Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2026- 2030:

Thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trên cơ sở nhu cầu phát triển, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững và phù hợp với các định hướng sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của cả nước, Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc; trong đó:

- Dành quỹ đất hợp lý ưu tiên phát triển thương mại dịch vụ, du lịch; phát triển và mở rộng khu, cụm công nghiệp; các khu dân cư. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng.

- Dành đủ quỹ đất cho các mục đích văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo, công trình năng lượng, bưu chính viễn thông, nghiên cứu khoa học đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Bảo vệ và phát triển diện tích rừng, đặc biệt là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn bảo đảm duy trì ổn định tỷ lệ che phủ và khoanh nuôi tái sinh rừng.

- Khai thác sử dụng đất gắn với coi trọng công tác quốc phòng, an ninh; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái nhằm sử dụng đất ổn định và bền vững, phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh và vùng.

4. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch

Nhu cầu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2030 theo kịch bản tăng trưởng kinh tế 10,5% trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030 khoảng 800.000 tỷ đồng, trong đó vốn của khu vực Nhà nước sẽ được quyết định tại kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư công hằng năm và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước; vốn ODA thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn ODA; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và vốn khu vực ngoài nhà nước phụ thuộc vào khả năng thu hút đầu tư của địa phương; cụ thể: (i) Vốn đầu tư của khu vực kinh tế Nhà nước khoảng 140 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 17,5%; (ii) Vốn đầu tư của khu vực kinh tế ngoài nhà nước khoảng 500 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 62,5%; (iii) Thu hút vốn FDI khoảng 160 nghìn tỷ đồng, tương đương 6,5 tỷ USD, chiếm khoảng 20%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển

a) Triển khai rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành theo quy định của pháp luật, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Nghiên cứu, ban hành các đề án, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển đi kèm với các chính sách ưu đãi đầu tư để tạo cơ hội, động lực cho khu vực kinh tế tư nhân tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

c) Ban hành kịp thời, đồng bộ, thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội, gắn với tiến bộ, công bằng xã hội.

2. Thu hút đầu tư phát triển

a) Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA và các nguồn vốn khác để đầu tư các dự án trọng điểm về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội; tập trung ưu tiên nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho các dự án hạ tầng trọng điểm, liên vùng.

b) Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, thực hiện đồng bộ các giải pháp: (i) Nâng cao chất lượng hoạt động xúc tiến đầu tư, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh của tỉnh; đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (trọng tâm là phát triển công nghiệp) và thu hút các tập đoàn kinh tế trong nước (tập trung vào lĩnh vực phát triển du lịch, đô thị, dịch vụ thương mại, nông nghiệp công nghệ cao); (ii) Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp (y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ,...); (iii) chú trọng

huy động vốn đầu tư các dự án theo phương thức đối tác công tư (PPP), các dự án hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng logistics và khu du lịch, dịch vụ trọng điểm.

3. Phát triển nguồn nhân lực

a) Phát triển nguồn nhân lực theo hướng phục vụ phát triển các ngành lợi thế của tỉnh và vùng trung du và miền núi phía Bắc.

b) Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trọng tâm là đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa về trình độ, kỹ năng, thái độ phục vụ, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức; đội ngũ công nhân lành nghề có tác phong công nghiệp phục vụ cho các doanh nghiệp đầu tư tại các khu công nghiệp, các doanh nghiệp dịch vụ, khu du lịch nghỉ dưỡng đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.

c) Tăng cường thu hút số lao động trẻ có trình độ chuyên môn, tay nghề trên cơ sở gắn kết hoạt động, liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp của tỉnh với các trường đại học, cao đẳng trọng điểm ở trong và ngoài nước; liên kết đào tạo, ký hợp đồng đào tạo với các doanh nghiệp, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.

4. Phát triển khoa học và công nghệ

a) Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế của địa phương theo chiều sâu đề từng bước tạo ra những sản phẩm, hàng hóa có thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

b) Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu - ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực, có thế mạnh của tỉnh. Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm của tỉnh.

c) Đưa khoa học - công nghệ gắn với sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất, chất lượng, đạt các tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap và các quy chuẩn khác nhằm hướng tới mục tiêu xuất khẩu.

d) Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Huy động và lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số để thực hiện chuyển đổi số.

đ) Tăng cường quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu; phòng chống hiệu quả các hoạt động phá hoại, thâm nhập hệ thống quản lý, điều hành chính quyền điện tử; tham gia chia sẻ dữ liệu quản lý công dân trong một số lĩnh vực công trực tuyến như: Định danh điện tử, lưu trữ và truy xuất thông tin người dân.

5. Bảo đảm an sinh xã hội

a) Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững, gắn với bảo đảm an sinh xã hội; quan tâm đầu tư vùng đồng bào dân tộc

thiếu số và miền núi; hỗ trợ, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng thành quả phát triển và các dịch vụ xã hội cơ bản. Triển khai có hiệu quả các chương trình giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn với các trung tâm đô thị, hành lang kinh tế.

b) Thực hiện tốt công tác giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm cho nhóm yếu thế, nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người nghèo ổn định cuộc sống, thoát nghèo. Thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Làm tốt công tác dân tộc, tôn giáo, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đoàn kết tôn giáo; kịp thời phổ biến các luật và văn bản dưới luật để điều hành, chỉ đạo, tổ chức, hỗ trợ các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng theo hiến chương, điều lệ của giáo hội và thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam. Quản lý hoạt động của các tôn giáo, tạo điều kiện cho các chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo hoạt động tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật.

6. Bảo vệ môi trường

a) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư.

b) Ưu tiên phát triển công nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, từng bước loại bỏ, thay thế các công nghệ cũ, gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường hợp tác với các địa phương lân cận trong sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

c) Đẩy mạnh việc quản lý tập trung đối với chất thải y tế và chất thải nguy hại với công nghệ xử lý tốt nhất; khuyến khích giảm thiểu, tái sử dụng và xử lý chất thải hữu cơ tại nguồn với quy mô nhỏ ở những khu vực nông thôn chưa có hệ thống quản lý chất thải tập trung.

d) Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng.

đ) Nâng cao năng lực công nghệ trong dự báo, quan trắc, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Chủ động ứng phó với mọi tình huống thiên tai, bão lũ.

7. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực

a) Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, kế hoạch tài chính 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; tăng cường phân cấp quản lý đầu tư, tạo sự thông thoáng, nâng cao trách nhiệm và phát huy tính chủ động của các địa phương trong quản lý đầu tư công.

b) Huy động tối đa, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán chi ngân sách theo hướng đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị gắn với chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công và tinh giản biên chế.

c) Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; ưu tiên hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các dự án trọng điểm của các địa phương có tính chất lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

d) Thực hiện hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách bền vững; nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu bền vững, giảm tỷ trọng thu từ sử dụng đất, tăng tỷ trọng thu từ sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu; khuyến khích mở rộng các loại hình dịch vụ tài chính phục vụ nhu cầu của thị trường. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Tiếp tục giữ vững ổn định, củng cố, kiện toàn bộ máy và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương. Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

c) Xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, phường, thị trấn; rà soát đảm bảo hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ nghiên cứu, xây dựng hoặc

trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ:

a) Chịu trách nhiệm về: (i) Tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; (iii) Tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án trong danh mục các dự án ưu tiên đầu tư.

Việc lập, phê duyệt, thực hiện các dự án trong danh mục phải đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật (cả pháp luật hiện hành và pháp luật có hiệu lực trước đây khi thực hiện việc đề xuất, lập, phê duyệt, triển khai dự án) và phù hợp với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia về giao thông, năng lượng, bảo tồn di sản thiên nhiên, khoáng sản...).

Đối với các dự án đang xử lý theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có): chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Thọ tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài nhằm huy động nguồn lực thực hiện các mục tiêu Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

c) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; quán triệt và giao nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Phú Thọ tới từng sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

d) Tổ chức lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, đảm bảo cụ thể hóa, thống nhất, đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc, Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

đ) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền và đồng gửi

Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định./.